

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	số	t	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,125,741,599,882	1,173,467,670,090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46,359,419,329	98,149,078,360
1. Tiền	111		46,359,419,329	98,149,078,360
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		422,788,661,319	444,905,444,586
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		327,095,489,316	320,930,630,788
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23,326,163,632	36,382,806,996
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		8,392,154,564	36,051,389,479
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		72,461,212,159	61,070,728,635
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(9,052,364,494)	(10,112,917,454)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		566,006,142	582,806,142
IV. Hàng tồn kho	140		643,630,596,329	621,113,047,903
1. Hàng tồn kho	141	V.6	643,630,596,329	621,113,047,903
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,962,922,905	9,300,099,241
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	5,824,520,103	7,479,283,150
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7,138,402,802	1,820,816,091
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-



Cho quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất(tiếp theo)

TÀI SẢN	số	t	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		552,683,322,425	502,052,449,159
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		397,934,032,393	360,456,832,497
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	379,949,387,596	342,104,736,581
<i>Nguyên giá</i>	222		596,077,879,531	546,643,152,043
<i>Giá trị hao mòn lũy kế(*)</i>	223		(216,128,491,935)	(204,538,415,462)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	4,961,193,412	5,109,797,782
<i>Nguyên giá</i>	225		5,944,173,272	5,944,173,272
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		(982,979,860)	(834,375,490)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13,023,451,385	13,242,298,134
<i>Nguyên giá</i>	228		18,376,408,414	18,355,028,414
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(5,352,957,029)	(5,112,730,280)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	10,445,000,000	-
<i>Nguyên giá</i>	231		10,445,000,000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40,511,919,885	23,906,359,355
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40,511,919,885	23,906,359,355
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		34,518,895,491	50,077,888,859
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		31,808,895,491	45,867,888,859
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,710,000,000	4,210,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19,990,965,238	16,429,050,975
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	19,990,965,238	16,429,050,975
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VIII Lợi thế thương mại	269		49,282,509,418	51,182,317,473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,678,424,922,307	1,675,520,119,249

9077
 ÔNG
 ĐỒ PH
 UỐC
 ƠN
 LIÊM

Cho quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	số	t	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,211,048,281,447	1,231,748,391,694
I. Nợ ngắn hạn	310		1,000,809,416,100	1,039,040,705,004
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		257,571,056,150	303,473,624,089
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17,253,044,092	8,550,452,090
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		7,728,934,180	5,117,269,552
4. Phải trả người lao động	314		6,210,186,555	7,273,652,489
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,006,174,461	9,928,774,068
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		15,717,396,310	18,900,613,969
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		694,912,588,187	685,569,048,960
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		410,036,165	227,269,787
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính chủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		210,238,865,347	192,707,686,690
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		31,216,791,617	31,376,901,155
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		179,022,073,730	161,330,785,535
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		457,820,317,505	433,549,208,043
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	457,820,317,505	433,549,208,043
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367,107,230,000	337,107,230,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18,846,097,352	33,846,427,352
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(9,484,460,000)	(9,484,460,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9,427,659,129	9,427,659,129
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			



10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	421a	52,753,952,993	62,652,351,562
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19,169,838,031	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
C. LỢI ÍCH CÒ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	9,556,323,355	10,222,519,512
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,678,424,922,307	1,675,520,119,249

Lập ngày 14 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ Tịch HĐQT





Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An

Lê Vinh sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	463,717,252,481	384 346 759 241	463,717,252,481	384 346 759 241
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		29,432,728,505	9 217 891 113	29,432,728,505	9 217 891 113
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		434,284,523,976	375,128,868,128	434,284,523,976	375,128,868,128
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	363,094,776,739	321 561 587 921	363,094,776,739	321 561 587 921
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71,189,747,237	53,567,280,207	71,189,747,237	53,567,280,207
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	465,093,981	1 095 976 885	465,093,981	1 095 976 885
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	13,590,111,916	15 627 256 314	13,590,111,916	15 627 256 314
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12,453,283,081	15 357 921 310	12,453,283,081	15 357 921 310
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	25,127,535,164	29 241 575 348	25,127,535,164	29 241 575 348
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8,247,493,957	8 036 297 444	8,247,493,957	8 036 297 444
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24,689,700,181	1,758,127,986	24,689,700,181	1,758,127,986
11 Thu nhập khác	31	VI.7	234,066,813	102 288 711	234,066,813	102 288 711
12 Chi phí khác	32	VI.8	1,688,596,211	178 693 411	1,688,596,211	178 693 411
13 Lợi nhuận khác	40		(1,454,529,398)	(76,404,700)	(1,454,529,398)	(76,404,700)
14 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			941,006,632	567,710,070	941,006,632	567,710,070
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24,176,177,415	2,249,433,356	24,176,177,415	2,249,433,356
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5,672,534,918	837 534 228	5,672,534,918	837 534 228

Cho quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>18,503,642,498</u>	<u>1,411,899,129</u>	<u>18,503,642,498</u>	<u>1,411,899,128</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(666,196,157)	(65,080,779)	(666,196,157)	(65,080,779)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		19,169,838,655	1,476,979,908	19,169,838,655	1,476,979,907
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		672	57	672	57
20 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Tôn Thị Thiện An

Lập ngày 14 tháng 05 năm 2015

Chủ tịch HĐQT



Lê Vinh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Phương pháp gián tiếp)*

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết min h	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24,176,177,415	2,249,433,356
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11,978,907,592	10,176,842,561
- Các khoản dự phòng	03		(1,060,552,960)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		266,239,619	(811,084,500)
- Chi phí lãi vay	06		12,453,283,081	15,357,921,310
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47,814,054,747	26,973,112,727
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11,836,930,094)	(54,457,932,676)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22,517,548,426)	(19,660,228,400)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(47,859,264,029)	86,043,280,647
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,907,151,216)	(13,845,467,454)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13,494,144,583)	(16,650,078,939)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,331,581,427)	(217,370,595)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1,154,775,500	1,094,835,692
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(444,034,925)	(1,693,951,115)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(51,421,824,453)	7,586,199,887
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(76,506,668,018)	(6,101,462,222)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác	23		(7,500,000,000)	(1,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34,659,234,915	4,100,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-



Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	16,500,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32,847,433,103)	(3,501,462,222)

Cho quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		14,999,670,000	
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ di sản	33		458,490,268,262	251,291,232,951
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(430,768,440,840)	(251,626,919,479)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(343,500,000)	(118,500,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,898,398,900)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		32,479,598,522	(454,186,528)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(51,789,659,034)	3,630,551,142
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	98,149,078,360	22,781,586,869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	46,359,419,329	26,412,138,011

Lập ngày 14 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Lê Vinh Sơn

Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn :** Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại.
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:** Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương Năng, ống công nghiệp, ống trang trí.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	71,13%	71,13%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam.	100%	100%

Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	30%	30%

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 Công ty có 1.126 nhân viên đang làm việc .

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.9.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự phòng tài chính được dùng để chi cho các tổn thất, thiệt hại phát sinh trong hoạt động SXKD như các khoản phạt vi phạm chế độ tài chính, các khoản phạt về thực hiện hợp đồng, các khoản phạt vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

23. Chi phí tài chính:

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

24. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phân loại nợ phải trả tài chính

Phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	16,866,964,046	5,388,125,450
Tiền gửi ngân hàng	29,492,455,283	92,760,952,910
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		
Cộng	<u>46,359,419,329</u>	<u>98,149,078,360</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị GS</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị GS</u>
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8,392,154,564		36,051,389,479
Ngắn hạn:		8,392,154,564		36,051,389,479
Cho công ty Cổ phần Hiway Việt Nam vay (a)		7,892,154,564		7,892,154,564
Hội doanh nghiệp trẻ		500.000.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng				28,159,234,915
Dài hạn:				
Cộng		<u>8,392,154,564</u>		<u>36,051,389,479</u>

-Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Công ty liên doanh, liên kết:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công CP Đầu tư Đô thị Kiến Hưng(b)			15,000,000,000	
Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn (c)	31,808,895,491		30,867,888,859	
Cộng	<u>31,808,895,491</u>		<u>45,867,888,859</u>	

Đầu tư vào đơn vị khác:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Bất động sản Havico	2,710,000,000		2,710,000,000	
Công ty CP Hiway Việt Nam			1,500,000,000	
Cộng	<u>2,710,000,000</u>		<u>4,210,000,000</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT TRONG KỲ:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex

Cho vay

Lãi cho vay 2.226.457.000

Chuyển tiền lãi sang nợ gốc vay

Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai

Góp vốn bằng tiền

Cho Công ty vay 2.000.000.000

Công ty trả tiền vay 700.000.000

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Bán hàng hóa, thành phẩm 67.552.610.269

Cho thuê tài sản 33.391.803

Mua lại tài sản của công ty con

Bán TSCĐ, CCDC

Thuê tài sản của công ty con 39.860.970

Mua vật tư của Sơn Hà Sài Gòn 743.990.915

Giao dịch khác 6.363.636

(a) Là khoản cho vay của hợp đồng số 02/2011/HDVT ngày 02 tháng 01 năm 2012, theo đó Công ty Cổ Phần Hiway Việt Nam vay số tiền là : 15.000.000.000 đồng trong vòng 01 năm, lãi suất bằng lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng VCB. Ngày 02/01/2013 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHDVT gia hạn thời hạn cho vay đến ngày 02/01/2014, Phụ lục số 02/2013/PLHDVT ngày 01/03/2013 thay đổi lãi suất cho vay tính theo lãi suất ngắn hạn bình quân hiện tại mà Công ty đang vay tại các Ngân hàng, Phụ lục hợp đồng số 01092013 ngày 01/09/2013 chuyển toàn bộ số tiền lãi vay tính đến 31/08/2013 sang nợ gốc vay. Tại thời điểm 31/03/2015 công ty đã cho vay số tiền là: 7.892.154.564 đồng.

- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%. Ngày 10/12/2014 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp trên.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635 ngày 04 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn 40,8 tỷ VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ 40,8 tỷ VND (trong đó vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND). Trong tháng 11/2013 Công ty đã bán 1.680.000 cổ phiếu, vậy số cổ phiếu còn lại là: 2.400.000 cổ phiếu tương ứng 30% vốn điều lệ, vậy Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn trở thành công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng các đối tượng khác	215,922,270,087	227,992,545,094
Công ty CP Phát triển năng lượng Sơn Hà	64,891,604,275	42,331,332,178
Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn	46,281,614,954	50,606,753,516
Cộng	327,095,489,316	320,930,630,788

Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

Công ty CP Phát triển năng lượng Sơn Hà	64,891,604,275	42,331,332,178
Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn	46,281,614,954	50,606,753,516
Cộng	111,173,219,229	92,938,085,694

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác	5,401,192,802	3,084,192,739
Phải thu lãi tiền cho vay	2,001,410,904	
Thuế GTGT chưa khấu trừ	320,010,904	306,454,380
Phải thu tiền bồi thường, hỗ trợ đất tại KCN NM Phùng	1,681,400,000	1,681,400,000
Các khoản phải thu khác	1,398,370,994	1,096,338,359
Tạm ứng	52,349,352,194	43,843,856,920
Ký quỹ	14,710,667,163	14,142,678,976
Cộng	72.461.212.159	61.070.728.635

5. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nợ gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Nợ gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Tổng các khoản phải thu quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
Công ty TNHH TM-XNK Kim Loại Việt	3,540,903,520		3,540,903,520	
Đại lý Đức Đậu-Vĩnh Phúc	638,549,560		638,549,560	
Công ty TNHH TM –XNK Sinh tài	823,157,075		823,157,075	
Công ty TNHH ĐT TM &PT nguồn nhân lực VIGECAM	6.197.235.200	6.197.235.200	8.197.235.200	8.197.235.200
Công ty TNHH TM Inox Hùng Anh	1,891,351,348		1,891,351,348	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu quá hạn khác	1,387,021,420		1,387,021,420	
Cộng	14,478,218,123	6.197.235.200	16,478,218,123	8.197.235.200

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	28,170,904,700		62,859,343,446	
Nguyên liệu, vật liệu	421,857,129,715		376,907,503,654	
Công cụ, dụng cụ	9,292,419,562		7,444,169,672	
Thành phẩm	142,748,640,307		134,267,201,009	
Hàng hóa	41,561,502,045		39,634,830,122	
Cộng	643,630,596,329		621,113,047,903	

7. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	5,824,520,103	7,479,283,150
Chi phí bảo hiểm	558,013,413	494,524,027
Chi phí quảng cáo,biển hiệu	1,672,132,525	1,398,221,413
Chi phí công cụ, dụng cụ	297,813,734	596,739,456
Chi phí thuê nhà	1,541,253,657	3,870,957,125
Chi phí khác	1,755,306,774	1,118,841,129
Dài hạn	19,990,965,238	16,429,050,975
Chi phí bảo hiểm		946,080
Chi phí quảng cáo,biển hiệu	4,077,239,838	1,033,056,056
Chi phí công cụ, dụng cụ	6,253,838,415	5,109,005,494
Chi phí thuê nhà	46,200,000	64,433,327
Chi phí sửa chữa tài sản	4,101,127,592	4,562,297,012
Chi phí khác	5,512,559,393	5,659,313,006
Cộng	25,815,485,341	23,908,334,125

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	181,300,720,664	276,239,634,218	41,843,903,784	47,258,893,377	546,643,152,043
Tăng trong năm	12,062,952,957	29,655,227,352	7,741,321,818	1,857,646,573	51,317,148,700
<i>Mua sắm mới</i>	<i>7,119,932,540</i>	<i>25,331,546,780</i>	<i>7,741,321,818</i>	<i>1,620,109,902</i>	<i>41,812,911,040</i>
<i>ĐTXDCB hoàn thành</i>	<i>4,943,020,417</i>	<i>4,323,680,572</i>		<i>237,536,671</i>	<i>9,504,237,660</i>
<i>Mua lại TSCĐ TTC</i>					
Giảm khác		(1,628,431,238)		(253,989,974)	(1,882,421,212)
Giảm do tài sản không đạt theo yêu cầu					
Số cuối kỳ	193,363,673,621	304,266,430,332	49,585,225,602	48,862,549,976	596,077,879,531
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	29,918,751,180	141,906,978,187	15,885,121,008	16,827,565,087	204,538,415,462
Tăng do khấu hao trong năm	1,807,518,250	7,489,994,803	1,147,720,593	1,348,247,531	11,793,481,177
Giảm khác		(36,248,610)		(167,156,094)	(203,404,704)
Số cuối kỳ	31,726,269,430	149,360,724,380	17,032,841,601	18,008,656,524	216,128,491,935
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	151,381,969,484	134,332,656,031	25,958,782,776	30,431,328,290	342,104,736,581
Số cuối kỳ	161,637,404,191	154,905,705,952	32,552,384,001	30,853,893,452	379,949,387,596

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm		5,944,173,272	5,944,173,272
Thuê tài chính trong năm			
Giảm do Mua lại TSCĐ TTC			
Số cuối kỳ		5,944,173,272	5,944,173,272
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		834,375,490	834,375,490
Tăng trong năm do khấu hao		148,604,370	148,604,370
Giảm do mua lại TSCĐ TTC			
Số cuối kỳ		982,979,860	982,979,860

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm		5,109,797,782	5,109,797,782
Số cuối kỳ		4,961,193,412	4,961,193,412

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.160.608.991	7,194,419,423	18,355,028,414
Tăng trong năm		21,380,000	21,380,000
Số cuối kỳ	11.160.608.991	7,215,799,423	18,376,408,414

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1,845,628,130	3,267,102,150	5,112,730,280
Khấu hao trong năm	59 364 942	180,861,807	240,226,749
Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo TT số 45/2013/TT-BTC			
Số cuối kỳ	1,904,993,072	3,447,963,957	5,352,957,029

Giá trị còn lại

Số đầu năm	9,314,980,861	3,927,317,273	13,242,298,134
Số cuối kỳ	9,255,615,919	3,767,835,466	13,023,451,385

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		10,445,000,000		10,445,000,000
Nguyên giá				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất		10,445,000,000		10,445,000,000
-Cơ sở hạ tầng				
Tổn thất do suy giảm giá trị				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

-Cơ sở hạ tầng

Giá trị còn lại	10,445,000,000	10,445,000,000
-Quyền sử dụng đất		
-Nhà		
-Nhà và quyền sử dụng đất	10,445,000,000	10,445,000,000
-Cơ sở hạ tầng		

12. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng CB dở dang:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm và giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	4,010,670,380	11,891,299,855	(14.722.970.235)	1,179,000,000
XDCB dở dang	19,832,190,591	42,391,449,389	(22.890.720.095)	39,332,919,885
Sửa chữa tài sản cố định	63,498,384		(63,498,384)	
Cộng	23,906,359,355	54,282,749,244	(37.677.188.714)	40,511,919,885

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
Vay ngắn hạn	685,569,048,960	685,569,048,960	427,752,151,481	418,408,612,254	694,912,588,187	694,912,588,187
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa	38,894,628,590	38,894,628,590	21,648,741,740	29,469,657,590	31,073,712,740	31,073,712,740
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	224,098,795,713	224,098,795,713	143,323,771,507	137,221,883,227	230,200,683,993	230,200,683,993
Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Chương Dương	220,174,193,797	220,174,193,797	136,994,383,837	137,090,211,205	220,078,366,429	220,078,366,429
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	202,401,430,860	202,401,430,860	125,785,254,397	114,626,860,232	213,559,825,025	213,559,825,025
Vay dài hạn	157,846,853,535	157,846,853,535	30,738,116,781	12,703,328,586	175,881,641,730	175,881,641,730
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Thăng Long	6,455,200,000	6,455,200,000		322,760,000	6,132,440,000	6,132,440,000
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân	4,010,237,782	4,010,237,782	1,791,407,840	287,959,262	5,513,686,360	5,513,686,360
Ngân Hàng TMCP Quân đội - CN Đống Đa	7,228,742,000	7,228,742,000	4,342,926,850	587,045,239	10,984,623,611	10,984,623,611
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi	135,262,761,036	135,262,761,036	18,134,768,790	10,032,150,000	143,365,379,826	143,365,379,826

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhánh Hà Tây

Ngân hàng TMCP ngoại thương VN- CN Hải Dương			6,464,300,000		6,464,300,000	6,464,300,000
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam	3,678,791,541	3,678,791,541		1,131,447,500	2,547,344,041	2,547,344,041
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1,161,121,176	1,161,121,176	4,713,301	291,966,585	873,867,892	873,867,892
Vay của các tổ chức khác	50,000,000	50,000,000		50,000,000		
Thuê tài chính	3,483,932,000	3,483,932,000		343,500,000	3,140,432,000	3,140,432,000
Công ty cho thuê tài chính ngân hàng công thương VN	3,483,932,000	3,483,932,000		343,500,000	3,140,432,000	3,140,432,000
Cộng vay dài hạn và nợ thuê tài chính	161,330,785,535	161,330,785,535	30,738,116,781	13,046,828,586	179,022,073,730	179,022,073,730

Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Lũy kế đến kỳ này năm nay			Lũy kế đến kỳ này năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm	436,264,338	92,764,338	343,500,000	140,278,528	21,778,528	118,500,000
Trên 5 năm						
Cộng	436,264,338	92,764,338	343,500,000	140,278,528	21,778,528	118,500,000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
- Công ty CP ĐT PT Năng lượng Sơn Hà	31,393,323,930	31,393,323,930	16,804,531,683	16,804,531,683
- Công ty JINDAL STAINLESS LIMITED	33,622,669,327	33,622,669,327	58,871,897,541	58,871,897,541
- Công ty TNHH POSSCO VST	42,787,325,149	42,787,325,149	95,492,515,453	95,492,515,453
- Công ty TNHH TT gia công POSCO VN	33,685,796,472	33,685,796,472	22,537,538,153	22,537,538,153
- Phải trả các đối tượng khác	116,081,941,272	116,081,941,272	109,767,141,259	109,767,141,259
Cộng	<u>257,571,056,150</u>	<u>257,571,056,150</u>	<u>303,473,624,089</u>	<u>303,473,624,089</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan:

- Công ty CP ĐT PT Năng lượng Sơn Hà	31,393,323,930	31,393,323,930	16,804,531,683	16,804,531,683
Cộng	<u>31,393,323,930</u>	<u>31,393,323,930</u>	<u>16,804,531,683</u>	<u>16,804,531,683</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp	Số cuối kỳ
			trong năm và giảm khác	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2,936,956,924	2,351,552,026	5,243,491,605	45,017,245
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		12,900,153,184	12,904,801,013	(4,647,829)
Thuế xuất, nhập khẩu	(333,271,770)	1,666,506,418	1,337,364,105	(4,129,457)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,313,274,702	5,672,534,918	2,331,581,427	5,654,228,193
Thuế thu nhập cá nhân	114,966,547	619,598,926	684,988,333	49,577,140
Tiền thuế đất		1,992,561,579		1,992,561,579
Các loại thuế khác	85,343,149	14,850,001	103,865,935	(3,672,785)
Cộng	<u>5,117,269,552</u>	<u>25,217,757,051</u>	<u>22,606,092,418</u>	<u>7,728,934,085</u>

Trong đó:

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5,117,269,552	7,728,934,085
Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
Cộng	<u>5,117,269,552</u>	<u>7,728,934,085</u>

Thuế giá trị gia tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24,176,177,415	2,249,433,357
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	4,207,365,066	2,125,250,476
- Lỗ lãi Công ty con	2,307,557,011	225,442,421
- Lợi thế thương mại	1,899,808,055	1,899,808,055
- Lãi lỗ do đánh giá TG Tiền và phải thu		
- Chi phí không hợp lệ		
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Các khoản điều chỉnh giảm	(2,599,292,855)	(567,710,070)
- Thu nhập từ chia cổ tức		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu		
- Hoàn nhập dự phòng CTY con	(1,658,286,223)	
- Lãi trong CTY liên kết	(941,006,632)	(567,710,070)
- Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản phải trả ngắn hạn năm trước		
Thu nhập tính thuế	25,784,249,626	3,806,973,763
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo thuế suất phổ thông	5,672,534,918	837,534,227
Điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước		
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5,672,534,918	837,534,227

*HĐĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m2 đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 106.313 VND/m2. Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m2 tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 87.789 VND/m2.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

Số cuối năm

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả		1,040,861,502
Chi phí hàng khuyến mại	927,340,929	8,015,891,070
Chi phí khác	78,833,532	872,021,496
Cộng	<u>1,006,174,461</u>	<u>9,928,774,068</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khác	13,021,622,609	6,778,511,004
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1,113,209,213	724,959,827
Kinh phí công đoàn	666,241,854	454,064,954
Phải trả khác	11,242,171,542	5,599,486,223
Nhận ủy thác đầu tư góp vốn vào CTY Kiến Hưng		9,300,000,000
Phải trả ký quỹ, ký cược	2,695,773,701	2,822,102,965
Cộng	<u>15,717,396,310</u>	<u>18,900,613,969</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Hoàn nhập trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	202,239,287	185,142,378	2,376,000		385,005,665
Quỹ phúc lợi	25.530.500				25,030,500
Cộng	<u>227,269,787</u>	<u>185,142,378</u>	<u>2,376,000</u>		<u>410,036,165</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	<u>337,107,230,000</u>	<u>33,846,427,352</u>	<u>(9.484.460.000)</u>		<u>9,427,659,129</u>		<u>62,652,351,562</u>	<u>433,549,208,043</u>
Cổ đông góp vốn bằng tiền	30,000,000,000	(15.000.000.000)						15.000.000.000
Chi phí tăng vốn		(330.000)						(330.000)
Lợi nhuận trong năm							19,169,838,654	19,169,838,654
Hoàn nhập quỹ khen thưởng								
Trích lập các quỹ								
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước								
Chia cổ tức							(9,898,398,900)	(9,898,398,900)
Thù lao BKS, HĐQT								
Số dư cuối kỳ này	<u>367,107,230,000</u>	<u>18,846,097,352</u>	<u>(9.484.460.000)</u>	<u>0</u>	<u>9,427,659,129</u>		<u>71,923,791,025</u>	<u>457,820,317,506</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2015 như sau:

	Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp của chủ đầu tư
Ông Lê Văn Ngà	28.014.540.000	28.014.540.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	67.709.470.000	67.709.470.000
Ông Lê Hoàng Hà	53.400.000.000	53.400.000.000
Quản lý Quỹ đầu tư Sao Vàng	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ đông khác	177.983.220.000	177.983.220.000
Cộng	367.107.230.000	367.107.230.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.710.723	36.710.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	36.710.723	36.710.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	716.060	716.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	35.994.663	35.994.663

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10,222,519,512	13,188,763,740
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong năm		
Giảm do Công ty con trở thành công ty liên kết		
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(666,196,157)	(65,080,779)
Số cuối kỳ	9,556,323,355	13,123,682,961

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	42,417,181,577	28,974,427,764
Doanh thu bán thành phẩm	398,629,586,200	333,374,115,175
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22,670,484,704	21,998,216,302
Cộng	463,717,252,481	384,346,759,241
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(29,432,728,505)	(9,217,891,113)
Chiết khấu thương mại	(28,691,474,247)	(8,960,615,818)
Giảm giá hàng bán	(8,337,826)	(4,442,305)
Hàng bán bị trả lại	(732,916,432)	(252,832,990)
Doanh thu thuần	434,284,523,976	375,128,868,128

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	30,351,761,366	24,222,525,860
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	314,301,927,596	282,292,139,765
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18,441,087,777	15,046,922,296
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	363,094,776,739	321,561,587,921

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	266,239,619	811,084,500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	198,854,362	284,892,385
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	465,093,981	1,095,976,885

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	12,453,283,081	15,357,921,310
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	346,642,370	256,423,004
Lỗ thanh lý Công ty con		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1,658,286,223)	
Chi phí tài chính khác	2,448,472,688	12,912,000
Cộng	13,590,111,916	15,627,256,314

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
--	---------------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí nhân viên	12,624,734,196	5,753,853,869
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	725,441,045	200,712,572
Chi phí vật liệu quản lý		
Chi phí khấu hao TSCĐ	910,393,855	525,884,604
Chi phí bảo hành	3,075,339	58,198,975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,923,350,445	7,452,037,215
Chi phí bằng tiền khác	5,940,540,284	15,250,888,113
Cộng	25,127,535,164	29,241,575,348
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	3,127,936,125	1,740,055,053
Chi phí vật liệu quản lý	23,000,000	31,546,727
Chi phí đồ dùng văn phòng	81,813,474	135,173,693
Chi phí khấu hao TSCĐ	769,267,342	907,378,369
Thuế, phí và lệ phí	260,372,742	133,770,921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	462,973,653	1,071,501,955
Chi phí dự phòng		
Chi phí bằng tiền khác	3,522,130,621	4,016,870,726
Cộng	8,247,493,957	8,036,297,444
7. Thu nhập khác		
	Kỳ này	Kỳ trước
Khác	234,066,813	28,538,711
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		
Bồi thường		73,750,000
Cộng	234,066,813	102,288,711
8. Chi phí khác		
	Kỳ này	Kỳ trước
Phạt do vi phạm hành chính		3,002,227
Thuế bị phạt bị truy thu	15,951,950	168,000,000
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		
Chi phí khác	1,672,644,261	7,691,184
Cộng	1,688,596,211	178,693,411

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19,169,838,655	1,476,979,908
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19,169,838,655	1,476,979,908
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28,511,561	25,994,663
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>672</u>	<u>57</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	27,924,657	25,994,663
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông bán ra		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	586,904	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>28,511,561</u>	<u>25,994,663</u>

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng		
Thanh toán tạm ứng		
Ban điều hành		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	37,647,162,629	37,647,162,629
Ban điều hành		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm tài chính 2015, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng nợ phải thu	<u>37,647,162,629</u>	<u>37,647,162,629</u>

Lập, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An

Lê Vinh Sơn